

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho học viên khóa tuyển sinh tháng 6/2011 đại học hệ vừa làm vừa học
(Liên thông từ TC) - Đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên TP. Đà Nẵng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Đà Nẵng ban hành theo Quyết định số 2455/GD-ĐT ngày 21/6/1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ quyết định số 05/TBCB ngày 06/01/1996 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về cơ cấu tổ chức trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 258/QĐ-HC ngày 02/6/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học khóa thi ngày 07, 08/6/2014;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng thi và xét công nhận tốt nghiệp ngày 01/7/2014 của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng Cử nhân cho 123 (Một trăm hai mươi ba) học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học (phương thức liên thông từ trình độ Trung cấp), khóa tuyển sinh tháng 6/2011 ngành Giáo dục Mầm non, đào tạo tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Đà Nẵng:

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Hành chính-Tổng hợp, Tổ trưởng Tổ Tài vụ, Trưởng khoa Khoa GD Tiểu học-Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (qua Ban Đào tạo ĐHĐN);
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐT.

KT. **HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 321/QĐ-TN ngày 01 tháng 7 năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

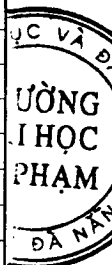
Ngành: Giáo dục Mầm non. Hệ: Vừa làm vừa học (liên thông từ Trung cấp lên đại học)

Khóa: 2011 - 2014. Lớp mở tại Trung tâm GDTX thành phố Đà Nẵng

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	QĐ trúng tuyển số.../...- ngày.../.../...	Ghi chú
01	Nguyễn Thị An	10/08/1990	7,29	Khá	160-3292,30/6/2011	0070628
02	Trần Nguyễn Trâm Anh	11/07/1990	7,47	Khá	254	9
03	Nguyễn Thị Ngọc Anh	04/09/1985	7,55	Khá	284	30
04	Lê Thị Ngọc Ánh	23/05/1990	7,39	Khá	285	1
05	Phùng Thị Thanh Bình	31/03/1982	7,32	Khá	255	2
06	Nguyễn Đức Quỳnh Châu	13/07/1990	7,30	Khá	171	3
07	Nguyễn Thị Mỹ Châu	30/08/1989	7,40	Khá	287	4
08	Nguyễn Thị Hoàng Diễm	10/10/1991	7,56	Khá	256	5
09	Phạm Thị Bích Diệu	02/02/1987	7,16	Khá	257	6
10	Trần Thị Mai Diệu	10/08/1990	7,40	Khá	163	7
11	Nguyễn Thị Đông	02/09/1987	7,48	Khá	174	8
12	Bạch Thị Dung	10/10/1989	6,95	Trung bình khá	173	9
13	Nguyễn Thị Thanh Dung	28/06/1985	7,65	Khá	289	40
14	Phùng Thị Miến	16/02/1991	7,39	Khá	290	1
15	Ngô Thị Thanh Hà	28/11/1991	7,18	Khá	259	2
16	Trần Thị Thu Hà	09/09/1983	7,20	Khá	175	3
17	Ngô Thị Hồng Hà	29/05/1991	7,78	Khá	258	4
18	Phạm Thị Hằng	15/07/1991	7,47	Khá	260	5
19	Lê Thị Hạnh	22/12/1990	7,06	Khá	178	6
20	Đỗ Thị Hồng Hạnh	02/03/1990	7,15	Khá	47/3292	7
21	Trần Thị Hạnh	29/01/1990	7,35	Khá	291	8
22	Doãn Thị Mỹ Hạnh	02/02/1989	7,29	Khá	177	9
23	Vy Thị Hào	05/08/1985	7,29	Khá	176	50
24	Đặng Thị Hiền	02/02/1990	7,07	Khá	2/3602	1
25	Nguyễn Thị Thanh Hiền	10/10/1990	7,10	Khá	161	2
26	Nguyễn Thị Thu Hiền	10/05/1991	7,74	Khá	292	3
27	Bùi Thị Hiếu	04/11/1984	7,07	Khá	261	4
28	Nguyễn Thị Thanh Hoa	25/11/1985	7,27	Khá	182	5
29	Hoàng Thị Hoa	07/05/1991	7,12	Khá	262	6
30	Nguyễn Thị Hòa	12/01/1982	6,97	Trung bình khá	328	7
31	Nguyễn Thị Hòa	15/03/1991	7,24	Khá	159	8
32	Đàm Thị Hồng	08/05/1989	7,54	Khá	183	9
33	Lê Thị Hồng	12/02/1991	7,05	Khá	263	60
34	Võ Thị Bích Hồng	30/07/1987	7,12	Khá	184	1
35	Nguyễn Thị Huệ	20/05/1982	7,18	Khá	250	2
36	Trần Thị Minh Huệ	06/08/1989	7,12	Khá	185	3
37	Đinh Thị Xuân Hương	15/01/1987	7,10	Khá	189	4
38	Nguyễn Thị Hương	12/06/1988	7,15	Khá	190	5
39	Đoàn Thị Hương	02/02/1971	7,08	Khá	247	6
40	Nguyễn Thị Huyền	02/08/1980	7,05	Khá	186	7
41	Trần Thị Huyền	09/10/1976	7,31	Khá	188	8



Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	QĐ trúng tuyển số.../...- ngày.../.../...	Ghi chú
42	Nguyễn Thị Huyền	26/10/1988	7,15	Khá	294	0070669
43	Phan Thị Huyền	29/09/1990	7,09	Khá	187	70
44	Trần Thị Khuynh	14/07/1990	7,40	Khá	191	1
45	Đặng Thị Lê	04/05/1986	7,16	Khá	194	2
46	Dương Thị Diệu Liên	20/01/1985	6,95	Trung bình khá	298	3
47	Nguyễn Thị Kim Liên	30/04/1991	7,08	Khá	299	4
48	Trần Thị Liên	15/03/1986	6,91	Trung bình khá	267	5
49	Nguyễn Thị Diệu Linh	26/05/1991	7,18	Khá	300	6
50	Đặng Thị Lịnh	22/06/1991	6,89	Trung bình khá	301	7
51	Tạ Thị Khánh Ly	15/12/1990	7,10	Khá	196	8
52	Trần Thị Trúc Ly	12/01/1991	7,38	Khá	303	9
53	Nguyễn Thị Lý	12/01/1988	7,36	Khá	252	80
54	Quế Thị Lý	29/07/1989	7,00	Khá	197	1
55	Lê Nguyễn Trúc Mai	30/07/1984	7,12	Khá	198	2
56	Hồ Thị Mận	20/01/1988	7,02	Khá	199	3
57	Nguyễn Thị Nga	17/07/1984	7,25	Khá	201	4
58	Nguyễn Thị Ngà	05/09/1991	7,20	Khá	304	5
59	Nguyễn Thị Xuân Ngân	20/03/1988	7,25	Khá	1/3602	6
60	Trần Thị Ngân	09/06/1988	7,07	Khá	202	7
61	Ngô Đặng Kim Ngọc	18/03/1989	7,20	Khá	249	8
62	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	25/11/1988	7,17	Khá	158	9
63	Trần Thị Mỹ Nguyên	15/11/1989	7,35	Khá	268	90
64	Phan Thị Ánh Nguyệt	19/04/1986	7,00	Khá	204	1
65	Trần Thị Bích Nguyệt	20/11/1982	7,10	Khá	334	2
66	Trương Thị Nguyệt	05/05/1984	7,52	Khá	205	3
67	Đinh Thị Hồng Nhị	15/11/1984	6,78	Trung bình khá	206	4
68	Hoàng Thị Kim Nhung	20/04/1990	7,01	Khá	207	5
69	Phạm Thị Thanh Ni	10/06/1986	7,04	Khá	208	6
70	Phạm Thị Tú Nin	20/02/1983	6,75	Trung bình khá	251	7
71	Nguyễn Thị Thúy Nữa	20/02/1985	7,24	Khá	209	8
72	Đinh Thị Nhi Pha	02/12/1987	7,24	Khá	210	9
73	Huỳnh Thị Kim Phụng	28/05/1982	7,12	Khá	211	700
74	Đinh Thị Thu Phương	27/07/1980	7,29	Khá	212	1
75	Trần Thị Hồng Phương	19/05/1980	7,64	Khá	3/3602	2
76	Huỳnh Thị Phượng	20/01/1989	7,12	Khá	269	3
77	Nguyễn Thị Phượng	09/03/1991	7,14	Khá	335	4
78	Bảo Trang Mỹ Quốc	05/09/1990	7,68	Khá	213	5
79	Nguyễn Thị Quý	20/05/1989	7,32	Khá	270	6
80	Phạm Thị Quyên	24/10/1991	7,22	Khá	324	7
81	Trương Ngô Ngân Quỳnh	11/08/1989	7,20	Khá	215	8
82	Trần Thị Như Quỳnh	19/06/1990	7,59	Khá	214	9
83	Vũ Thị Sen	01/05/1985	7,48	Khá	217	10
84	Đinh Thị Tuyết Sương	01/08/1988	7,74	Khá	307	1
85	Ngô Thị Minh Tâm	01/01/1991	7,23	Khá	272	2
86	Nguyễn Thị Kim Tâm	01/01/1988	6,95	Trung bình khá	218	3
87	Phan Thị Đào Tâm	22/01/1991	7,35	Khá	325	4
88	Ngô Thị Thắm	23/05/1990	7,36	Khá	221	5
89	Trần Thị Thắm	20/02/1987	7,17	Khá	222	6
90	Nguyễn Thị Thu Thanh	19/06/1985	7,07	Khá	273	7
91	Đặng Thị Thanh Thảo	17/08/1991	7,04	Khá	274	8



Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	QĐ trúng tuyển số.../...- ngày.../.../...	Ghi chú
92	Phạm Thị Thảo	20/08/1983	7,20	Khá	308	0070719
93	Ngô Thị Hoàng	16/11/1988	7,27	Khá	275	20
94	Ngô Thị Huỳnh	27/09/1991	7,26	Khá	309	1
95	Phạm Thị Thu	31/08/1982	7,55	Khá	224	2
96	Nguyễn Thị Bích	08/09/1991	7,17	Khá	276	3
97	Nguyễn Thị Anh	06/08/1990	7,74	Khá	277	4
98	Phan Thị Thuận	25/04/1987	7,36	Khá	225	5
99	Phạm Thị Hoài	29/06/1990	7,09	Khá	317	6
100	Huỳnh Thị Thanh	08/09/1986	7,19	Khá	232	7
101	Phan Thị Thanh	26/09/1986	7,55	Khá	314	8
102	Trần Thị Thúy	04/05/1988	7,04	Khá	227	9
103	Hà Thị Phương	22/10/1990	7,48	Khá	313	30
104	Lê Thị Thùy	21/08/1990	7,44	Khá	226	1
105	Lê Thị Thanh	05/07/1990	6,96	Trung bình khá	315	2
106	Vũ Thị Thùy	25/05/1988	7,46	Khá	231	3
107	Nguyễn Vũ Như	01/01/1990	7,13	Khá	316	4
108	Nguyễn Vũ Quỳnh	18/09/1982	7,68	Khá	330	5
109	Đặng Thị Thùy	05/11/1986	7,24	Khá	319	6
110	Phan Thị Mỹ	10/05/1990	7,24	Khá	235	7
111	Nguyễn Thị Thùy	30/03/1983	7,56	Khá	320	8
112	Đặng Thị Hoài	22/02/1990	7,00	Khá	164	9
113	Ngô Thị Hoàng	20/07/1982	7,84	Khá	236	40
114	Hồ Thị Kim	20/05/1990	7,70	Khá	322	1
115	Trần Thị Ánh	07/09/1987	7,13	Khá	279	2
116	Lê Thị Cẩm	01/01/1991	7,24	Khá	281	3
117	Huỳnh Thị Vân	20/01/1982	7,26	Khá	238	4
118	Trương Thị Cẩm	29/01/1987	7,47	Khá	248	5
119	Võ Thị Thanh	24/08/1980	7,60	Khá	240	6
120	Trần Thị Thùy	10/07/1989	7,70	Khá	239	7
121	Nguyễn Thị Hồng	25/12/1987	7,12	Khá	336	8
122	Phạm Thị Xuyên	30/05/1982	7,95	Khá	244	9
123	Đặng Thị Phi	26/07/1991	7,09	Khá	283	50

Ấn định danh sách có 123 (một trăm hai mươi ba) học viên

Xếp loại Khá: 114 học viên

Xếp loại Trung bình Khá: 09 học viên

Đã trình ký 123 bằng TV
13-10-2014

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 7 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đã ký 123 bằng TV
Ngày 16/10/2014



PGS.TS. LƯU TRANG